

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 -7-2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thành và ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ X, Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ X, Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày như sau: Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn H có sự tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 08/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống có hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Quá trình xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, thì hai bên gia

đình nội, ngoại đã khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn.

Nay chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Văn H không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị Th trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/9/2010. Chị Th yêu cầu giao người con chung cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị Th đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn ghi họ và tên chồng Nguyễn Văn H, họ và tên vợ Lê Thị Th; bản sao giấy chứng minh nhân dân Lê Thị Th; bản sao sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Văn H; bản sao giấy khai sinh con chung Nguyễn Văn Tr.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện P đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H thông qua người thân thích là ông Nguyễn Văn X (cha đẻ của anh H). Tại văn bản xác minh tại nhà anh Nguyễn Văn H thì ông Nguyễn Văn X xác nhận: Ông X có nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải của Tòa án gửi cho anh H và ông X đã thông báo trực tiếp cho anh H biết về nội dung khởi kiện và yêu cầu đến Tòa án làm việc theo các thông báo nói trên. Tuy nhiên, anh H vẫn không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu. Quá trình sau khi anh H, chị Th kết hôn và cùng sinh sống tại gia đình ông X thì vợ chồng cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế, hai vợ chồng không có công ăn việc làm. Việc chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H thì ông X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và cam đoan sẽ giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Về con chung của vợ chồng chị Th, anh H thì ông X xác nhận vợ chồng có một người con chung là Nguyễn Văn Tr. Về tài sản chung của vợ chồng chị Th và anh H, ông X không biết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Lê Thị Th

chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, anh H vắng mặt trong các phiên họp, hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/7/2018 và phiên tòa hôm nay, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Th đối với anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Th giao người con chung tên là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/9/2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn anh Nguyễn Văn H là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 08/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị Th và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị Th và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tôn trọng nhau, vợ chồng không có công ăn việc làm, khó khăn về kinh tế. Anh H và chị Th đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống mỗi người

tự lo liệu. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã nhiều lần thông báo hòa giải cho anh Nguyễn Văn H. Mặc dù đã được cha đẻ là ông Nguyễn Văn X thông báo trực tiếp nhưng anh H vẫn không đến Tòa án làm việc; chứng tỏ anh H không mong muốn được hòa giải đoàn tụ vợ chồng với chị Th. Xét thấy, chị Th và anh H đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Th.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn H có một người con chung là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/9/2010. Xét yêu cầu của chị Th về việc nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Người con chung của vợ chồng hiện đang sống với anh H. Nguyên vọng của cháu Tr cũng mong muốn tiếp tục được sống với anh H. Hoàn cảnh của chị Lê Thị Th không có việc làm ổn định và có thu nhập. Do vậy, cần giao cháu Nguyễn Văn Tr cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần của cháu Tr. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Th. Chị Lê Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về việc nuôi con: Giao người con chung Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/9/2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; chị Lê Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Th có quyền, nghĩa vụ vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Lê Thị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001728, ngày 08/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã B,
- huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN NGỌC TÚ